

Số: 266/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 7077/UBND-TTr ngày 24 tháng 10 năm 2019, Công văn số 8709/UBND-QH ngày 29 tháng 11 năm 2019 và Báo cáo thẩm định số 148/BC-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2019, Công văn số 2953/BXD-QHKT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ ý kiến thống nhất của các bộ, cơ quan tại cuộc họp ngày 07 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch trên toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

b) Quy mô lập quy hoạch: Diện tích tự nhiên của huyện Vân Đồn khoảng 2.171,33 km². Trong đó: diện tích đất tự nhiên là 581,83 km², diện tích vùng biển là 1.589,5 km².

2. Tính chất

- Khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực, trung tâm công nghiệp giải trí có casino, du lịch biển - đảo cao cấp, dịch vụ tổng hợp; là cửa ngõ giao thương quốc tế, tạo ra những sản phẩm độc đáo, khác biệt, hiện đại với chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh quốc tế;

- Đô thị biển đảo xanh, hiện đại và thông minh, bền vững;
- Khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

3. Dự báo quy mô dân số và đất đai

- Đến năm 2030, dân số khoảng 140.000 - 200.000 người (dân số thường trú khoảng 90.000 - 140.000 người, dân số quy đổi khoảng 50.000 - 60.000 người). Nhu cầu sử dụng đất xây dựng các khu chức năng khoảng 5.500 ha.

- Đến năm 2040, dân số khoảng 300.000 - 500.000 người (dân số thường trú khoảng 180.000 - 300.000 người, dân số quy đổi khoảng 120.000 - 200.000 người). Nhu cầu sử dụng đất xây dựng các khu chức năng khoảng 12.050 ha.

4. Định hướng phát triển không gian

a) Phân vùng phát triển:

Cấu trúc phát triển không gian Khu kinh tế Vân Đồn chia theo 02 vùng gồm đảo Cái Bàu và quần đảo Vân Hải, định hướng thành 05 vành đai phát triển gồm: (1) Vành đai nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp; (2) Vành đai du lịch sinh thái gắn với bảo vệ di sản thiên nhiên; (3) Vành đai đô thị dịch vụ, văn hóa và vui chơi giải trí (khu vực phía Đông đảo Cái Bàu); (4) Vành đai dịch vụ, thương mại công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ hậu cần (khu vực phía Tây đảo Cái Bàu); (5) Vành đai dự trữ phát triển mở rộng phía Tây (thuộc địa giới thành phố Cẩm Phả và huyện Tiên Yên).

- Đối với đảo Cái Bàu: Phát triển tập trung các khu chức năng chính của đô thị và khu kinh tế. Đảo Cái Bàu được phân chia thành các vùng phía Đông, (khu vực Cái Rồng), vùng phía Tây (khu vực sân bay Vân Đồn) và vùng phía Bắc (cảng Mũi Chùa - Vạn Hoa), với các chức năng cụ thể như sau:

+ Khu vực phía Đông đảo Cái Bàu tập trung phát triển đô thị, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí; dài hạn khai thác khu vực ngập nước để tạo quỹ đất phát triển các khu vực chức năng cây xanh, trung tâm văn hóa, công cộng dịch vụ đô thị, dịch vụ du lịch...;

+ Khu vực phía Tây đảo Cái Bàu phát triển các khu chức năng về dịch vụ vận tải, logistics, thương mại, công nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác gắn với khai thác động lực là sân bay quốc tế Vân Đồn và đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái;

+ Khu vực phía Bắc đảo Cái Bàu phát triển các chức năng về dịch vụ cảng, các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, sản xuất công nghiệp công nghệ cao. Phát triển gắn với đặc điểm địa hình gò đồi tại khu vực.

- Đối với quần đảo Vân Hải: Phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch sinh thái, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, gắn với bảo tồn cảnh quan sinh thái, đa dạng sinh học tại khu vực. Giới hạn phát triển dân cư tại một số đảo hiện có (Cảnh Cước, Trà Bản, Ngọc Vũng, Cống Đông - Cống Tây). Bố trí trung tâm dịch vụ công cộng chung tại đảo Cảnh Cước, Ngọc Vũng, Trà Bản. Với các phân vùng chức năng như sau:

+ Khu vực phía Bắc thuộc phạm vi Vườn quốc gia Bái Tử Long được bảo tồn nghiêm theo quy định;

+ Khu vực các đảo phía Đông (Cảnh Cước, Ngọc Vũng, Vạn Cảnh, Trà Bản, Châu Dấp, Phương Hoàng, Chàng Ngộ, Cái Lim) hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp vui chơi giải trí;

+ Khu vực các đảo phía Tây (Đông Chén, Trà Bản, Thê Vàng) phát triển các khu du lịch sinh thái, kết hợp với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Các đảo đá, đảo sinh thái cho phép khai thác du lịch, hạn chế hoạt động xây dựng công trình.

b) Định hướng phát triển không gian các khu vực

Đảo Cái Bàu được tổ chức thành 6 khu vực phát triển gồm: (1) Khu vực Cái Rông; (2) Khu vực bán đảo Cống Chào; (3) Khu vực sân bay (phía Tây đảo Cái Bàu); (4) Khu vực Bắc Cái Bàu; (5) Khu vực Đông Bắc Cái Bàu; (6) Khu vực đồi núi đảo Cái Bàu. Cụ thể như sau:

- Khu vực Cái Rông (thuộc địa giới hành chính thị trấn Cái Rông, xã Đông Xá, xã Hạ Long, xã Vạn Yên); là đô thị, trung tâm dịch vụ hỗn hợp và du lịch Khu kinh tế.

+ Dự báo quy mô dân số đến năm 2040 khoảng 127.000 người (trong đó dân số thường trú khoảng 90.000 người). Diện tích tự nhiên khoảng 2.810 ha, gồm đất xây dựng các khu chức năng khoảng 1.850 ha và đất khác: 960 ha.

+ Định hướng phát triển: Khu vực phía Bắc Cái Rông ưu tiên phát triển các khu dịch vụ du lịch biển cao cấp, kết hợp vui chơi giải trí. Khu vực trung tâm phát triển các dịch vụ công cộng phục vụ đô thị và du lịch. Khu vực phía Nam phát triển các dịch vụ thương mại và dịch vụ hỗ trợ du lịch. Kiểm soát công trình cao tầng, không gian cảnh quan ven biển, hạn chế xây dựng trên vùng đồi núi; phát triển các công trình cao tầng dọc trục đường 58 m và một số trục đường trung tâm hướng biển; tăng diện tích cây xanh, không gian công cộng.

- Khu vực bán đảo Cống Chào (thuộc đơn vị hành chính xã Đông Xá); là trung tâm thương mại, tài chính, văn hóa tâm cỡ khu vực và quốc tế.

+ Quy mô: Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 65.000 người (trong đó dân số thường trú khoảng 45.000 người). Diện tích tự nhiên khoảng 750 ha, gồm đất xây dựng các khu chức năng 510 ha và đất khác 240 ha.

+ Định hướng phát triển: Hình thành khu vực phát triển trọng tâm mới cho Khu kinh tế Vân Đồn, theo cấu trúc đảo nhân tạo, với các tổ hợp kiến trúc cao tầng hiện đại, dành không gian cây xanh, mặt nước. Kiểm soát không gian cảnh quan ven biển, ưu tiên các công trình công cộng, dịch vụ du lịch và không gian quảng trường tại các khu vực ven biển,... Được nghiên cứu thực hiện sau khi quỹ đất các khu chức năng đã cơ bản hoàn thành đầu tư; khi nghiên cứu triển khai phải đánh giá các tác động đến kinh tế - xã hội, cảnh quan môi trường; tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai.

- Khu vực sân bay (thuộc địa giới hành chính các xã Đoàn Kết, Bình Dân, Đài Xuyên); là đầu mối giao thông, dịch vụ thương mại quốc tế, dịch vụ hậu cần, logistics; công nghiệp công nghệ cao.

+ Quy mô: Dân số đến năm 2040 khoảng 103.000 người (trong đó dân số thường trú khoảng 75.000 người và dân số quy đổi khoảng 28.000 người). Diện tích tự nhiên khoảng 7.130 ha gồm đất xây dựng các khu chức năng 3.200 ha và đất khác 3.930 ha.

+ Định hướng phát triển: Hình thành trung tâm giao thông đa phương thức xung quanh sân bay. Phát triển trung tâm dịch vụ thương mại phía Bắc sân bay, dịch vụ hỗ trợ phía Nam sân bay. Xây dựng khu công nghiệp công nghệ cao phía Đông Bắc và 01 cụm công nghiệp địa phương tại phía Nam. Kiểm soát tăng cao công trình tại khu vực, đảm bảo tĩnh không sân bay; phát triển các khu chức năng mật độ thấp, tầng cao trung bình hài hòa với cảnh quan địa hình tự nhiên.

- Khu vực Bắc Cái Bàu (thuộc địa giới hành chính các xã Đài Xuyên, Vạn Yên); là khu phức hợp đô thị dịch vụ cảng, dịch vụ du lịch cao cấp; khu công nghiệp, công nghệ cao.

+ Quy mô: Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 80.000 - 100.000 người (trong đó: dân số thường trú khoảng 60.000 người và dân số quy đổi khoảng 20.000 - 40.000 người). Diện tích tự nhiên 5.000 ha gồm: Đất xây dựng các khu chức năng 2.410 ha và đất khác 2.590 ha.

+ Định hướng phát triển: Phát triển cảng Bắc đảo Cái Bàu để hỗ trợ vận chuyển hàng hóa, hành khách quốc tế quy mô lớn. Phát triển khu đô thị dịch vụ du lịch, dịch vụ cảng gắn với đặc điểm địa hình gò đồi tại khu vực. Hình thành khu công nghệ cao y dược và các hoạt động về khoa học công nghệ. Kiểm soát các khu vực xây dựng đô thị, khu du lịch nghỉ dưỡng, duy trì cảnh quan thiên nhiên và bảo tồn hệ sinh thái.

- Khu vực Đông Bắc Cái Bàu (thuộc địa giới hành chính của xã Vạn Yên); là khu phức hợp vui chơi giải trí có casino và du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, sân golf, công viên sinh thái rừng.

+ Quy mô: Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 41.000 người (trong đó dân số thường trú khoảng 8.000 người và dân số quy đổi khoảng 33.000 người). Diện tích đất tự nhiên: 4.250 ha, gồm: đất xây dựng các khu chức năng 860 ha và đất khác 3.390 ha.

+ Định hướng phát triển: Phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng vui chơi giải trí gắn với các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Khai thác một số khu vực triển đồi có độ dốc thấp để xây dựng các resort có quy mô nhỏ để phục vụ phát triển du lịch nghỉ dưỡng và du lịch vui chơi giải trí. Kiểm soát cao tầng tại khu trung tâm, khai thác địa hình cảnh quan tự nhiên để xây dựng các khu chức năng; bảo vệ hệ sinh thái rừng và các không gian tự nhiên ven biển.

- Khu vực đồi núi đảo Cái Bàu (thuộc địa giới hành chính của xã Đoàn Kết, Bình Dân, Vạn Yên, Hạ Long, Đông Xá và thị trấn Cái Rồng); là khu vực phát triển rừng, kết hợp phát triển dân cư dịch vụ du lịch, có vị trí an ninh quốc phòng.

+ Quy mô: Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 3.000 người (trong đó, dân số thường trú khoảng 2.000 người và dân số quy đổi khoảng 1.000 người). Diện tích tự nhiên: 7.000 ha, gồm: đất xây dựng khoảng 320 ha và đất khác 6.680 ha.

+ Định hướng phát triển: Bảo vệ và phát triển hoạt động trồng rừng để tạo cảnh quan sinh thái; phát triển các dân cư, khu công viên rừng, dịch vụ vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng và thể dục thể thao (sân golf); bảo vệ hồ chứa nước. Kiểm soát các không gian dịch vụ du lịch, sân golf; hạn chế hoạt động xây dựng công trình, san gạt đồi núi, tác động đến cảnh quan tự nhiên tại khu vực. Nghiên cứu xây dựng một số công trình công cộng, điểm ngắm cảnh tại các điểm cao, có tầm nhìn thuận lợi để phát triển dịch vụ du lịch. Khai thác các thung lũng, các khu vực có điều kiện thổ nhưỡng tốt để hình thành các trang trại trồng cây ăn quả, phát triển sản phẩm đặc sản của địa phương.

- Quần đảo Vân Hải: Phân chia các đảo thành các đảo có dân cư, đảo du lịch, đảo nông nghiệp và đảo bảo tồn cảnh quan sinh thái.

+ Quy mô: Dân số quy hoạch đến năm 2040 khoảng 79.000 người (trong đó, dân số thường trú khoảng 20.000 người và dân số quy đổi khoảng 59.000 người); diện tích tự nhiên khoảng 25.720 ha; diện tích đất xây dựng khoảng 2.890 ha.

+ Định hướng phát triển: Phát triển rừng, đa dạng loại hình dịch vụ du lịch tại các đảo, không gian mặt nước, gắn với điều kiện cụ thể của từng đảo, từng khu vực. Hình thành một số khu dân cư, trung tâm thương mại dịch vụ

du lịch, cảng du lịch và các khu hậu cần cảng. Kiểm soát không gian cảnh quan các đảo; xây dựng công trình kiến trúc thấp tầng, mật độ thấp, hài hòa điều kiện tự nhiên tại khu vực; bảo vệ cảnh quan sinh thái và đa dạng sinh học tại các đảo thuộc phạm vi Vườn quốc gia Bái Tử Long; hạn chế hoạt động xây dựng, chặt phá rừng, lấn biển.

5. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội

a) Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế

- Công nghiệp: Diện tích khoảng 1.400 - 1.450 ha (Bao gồm khu vực phía Nam sân bay khoảng 420 - 450 ha; khu vực phía Bắc sân bay khoảng 430 - 450 ha và khu vực Bắc Cái Bàu khoảng 520 - 550 ha). Bố trí cụm công nghiệp khoảng 50 ha tại khu vực Nam sân bay và các điểm tiêu thụ công nghiệp tại đảo Cảnh Cước (Minh Châu - Quan Lạn), Trà Bản để hỗ trợ các hoạt động sản xuất làng nghề địa phương, chế biến thủy hải sản, hỗ trợ nghề cá và các dịch vụ khác.

- Dịch vụ thương mại: Diện tích khoảng 250 - 300 ha. Bố trí các trung tâm dịch vụ thương mại hỗn hợp tại trung tâm các khu chức năng (Bắc Cái Bàu, Đông Bắc Cái Bàu, đảo Cảnh Cước, đảo Trà Bản, đảo Ngọc Vũng), gắn với đầu mối giao thông. Phát triển các cơ sở dịch vụ thương mại đặc thù gắn với các khu đô thị, khu du lịch, đảo du lịch để đáp ứng phát triển du lịch.

- Dịch vụ du lịch: Diện tích đất phát triển các khu dịch vụ du lịch khoảng 2.700 - 2.800 ha (diện tích đất xây dựng cơ sở lưu trú khoảng 650 ha, đáp ứng khoảng 65.000 phòng). Bố trí tập trung tại khu vực Cái Rồng, Bắc Cái Bàu, kết hợp với hệ thống các dịch vụ lưu trú, dịch vụ vui chơi giải trí và tại khu vực đầu mối về cảng hành khách; quần đảo Vân Hải sẽ phát triển hệ thống các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp với các khu du lịch sinh thái giải trí, du lịch trải nghiệm khám phá thiên nhiên; hình thành các trung tâm phụ trợ tại đảo Quan Lạn, Ngọc Vũng, Trà Bản để hỗ trợ dịch vụ du lịch tại các đảo.

- Phát triển nông nghiệp hướng tới ứng dụng công nghệ sản xuất kỹ thuật cao, áp dụng các kỹ thuật thủy canh, kỹ thuật vi sinh thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn sử dụng tiết kiệm quỹ đất. Bảo vệ và phát triển các loại nông sản đặc trưng của địa phương như Cam, Sả sùng. Tổ chức hoạt động nuôi trồng thủy sản trên Vịnh phù hợp với định hướng phát triển không gian Khu kinh tế, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái khu vực. Khai thác sử dụng đất rừng thực hiện theo quy định về bảo vệ rừng. Bảo vệ diện tích rừng đặc dụng, đảm bảo diện tích rừng phòng hộ, chuyển đổi đất rừng trồng sản xuất sang trồng cây lâu năm tạo cảnh quan và phục vụ du lịch.



b) Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Trụ sở làm việc: Bố trí trung tâm hành chính dự kiến tại khu vực xã Đoàn Kết với quy mô khoảng 10 - 20 ha; nâng cấp, cải tạo hệ thống trụ sở làm việc các cơ quan hiện có để đáp ứng nhu cầu ngắn hạn. Bố trí khu vực trung tâm hành chính mới cấp đô thị, đơn vị ở để đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng, di chuyển và các khu vực hiện trạng không đáp ứng được tiêu chuẩn đô thị.

- Các khu đô thị, dân cư: Quy mô khoảng 3.500 ha; các khu đô thị tập trung được bố trí tại khu vực Cái Ròng, sân bay, Bắc Cái Bàu. Bố trí, sắp xếp lại các khu vực dân cư hiện hữu, đô thị mới đảm bảo không gian và điều kiện cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn đô thị loại 2. Hạn chế phát triển mở rộng dân cư tại các đảo thuộc quần đảo Vân Hải. Phát triển nhà ở gắn với các dự án khu đô thị du lịch có hạ tầng đô thị hiện đại, đồng bộ; phát triển các loại hình nhà ở cho thuê, nhà ở xã hội để phục vụ lao động dịch vụ, người thu nhập thấp và khách du lịch khi có nhu cầu tại các khu vực. Bố trí các khu tái định cư tập trung với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ để đáp ứng nhu cầu di dời dân cư tại các khu vực thực hiện dự án hạ tầng, kinh tế xã hội, tập trung các khu vực làng xóm có mật độ xây dựng thấp.

- Giáo dục: Xây dựng cơ sở trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế và thu hút các trường đại học và học viện nghiên cứu để đào tạo lao động, chuyên gia chất lượng cao cho khu vực. Bố trí hệ thống các cơ sở trường phổ thông gắn với phân bố dân cư, đảm bảo tiếp cận thuận lợi của người dân.

- Y tế: Xây dựng 01 bệnh viện tiêu chuẩn quốc tế với quy mô 6 - 10 ha, quy mô 300 - 500 giường. Xây mới bệnh viện đa khoa chất lượng cao quy mô khoảng 300 giường, khoảng 3 - 5 ha tại khu vực Bắc Cái Bàu. Cải tạo nâng cấp trung tâm y tế huyện Vân Đồn thành bệnh viện cấp vùng với quy mô 300 giường (2,8 ha) và xây dựng mới bệnh viện tại đảo Cảnh Cước với quy mô 100 - 200 giường để phục vụ người dân và khách du lịch tại khu vực các đảo.

- Văn hóa, thể dục thể thao: Xây dựng hệ thống các công trình văn hóa để thu hút các hoạt động, sự kiện và dịch vụ sáng tạo. Bố trí các công trình văn hóa tại khu vực ven biển Cái Ròng - Công chào; khuyến khích các dự án phát triển các trung tâm dịch vụ văn hóa dùng chung cho toàn Khu kinh tế. Bảo tồn và phát triển các cơ sở, công trình di tích văn hóa lịch sử hiện hữu, các công trình gắn với lịch sử của “thương cảng Vân Đồn”. Phát triển hệ thống các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí trên mặt nước để phục vụ phát triển du lịch.

6. Quy hoạch sử dụng đất

a) Khai thác sử dụng đất phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Đối với các khu vực quy hoạch đất phát triển du lịch trong đó có đất khu vực lưu trú trong các Khu du lịch cần tuân thủ các quy định của Luật Du lịch và các quy định hiện hành;

- Các khu vực quy hoạch các khu chức năng có sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng phải là các dự án đặc biệt, cấp thiết; khi triển khai phải tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp;

- Phát triển đất xây dựng tại các khu vực lấn biển chỉ được thực hiện sau khi các quỹ đất phát triển theo quy hoạch các khu chức năng đã sử dụng hết; khi nghiên cứu triển khai phải đánh giá các tác động đến kinh tế xã hội, cảnh quan môi trường, tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Bảo vệ các khu vực đất, công trình an ninh quốc phòng hiện trạng và các khu vực dự kiến bố trí quy hoạch các công trình an ninh quốc phòng. Quá trình triển khai các dự án phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thực hiện các thỏa thuận theo quy chế phối hợp, đảm bảo mục tiêu về an ninh quốc phòng.

b) Đến năm 2030:

- Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 5.500 ha (chiếm 9,5% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo), bao gồm:

+ Đất các khu đô thị, khu dân cư khoảng 1.600 - 1650 ha;

+ Đất hỗn hợp (không ở) khoảng 200 - 230 ha;

+ Đất thương mại, dịch vụ khoảng 100 - 120 ha;

+ Đất phát triển các khu du lịch khoảng 900 - 950 ha (trong đó đất dịch vụ lưu trú khoảng 150 - 180 ha);

+ Đất công nghiệp, công nghệ cao khoảng 550 - 600 ha;

+ Đất đào tạo khoảng 40 - 50 ha;

+ Đất công viên, cây xanh chuyên đề khoảng 500 - 600 ha;

+ Đất an ninh quốc phòng khoảng 550 ha;

+ Đất giao thông đối ngoại khoảng 280 - 300 ha;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật, sân bay, bến cảng khoảng 500 - 550 ha.

- Đất khác: khoảng 52.663 ha (chiếm 90,5% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo), trong đó:

+ Đất công viên nghĩa trang khoảng 80 ha;

+ Đất nông nghiệp khoảng 1.100 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản khoảng 1.000 ha;

+ Đất lâm nghiệp khoảng 33.980 ha;

+ Đất khác (Mặt nước, kênh mương, thủy lợi, đất chưa sử dụng, đất khác)... khoảng 16.423 ha.

c) Đến năm 2040:

- Đất xây dựng các khu chức năng khoảng 12.050 ha (chiếm 20% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo). Bao gồm:

+ Đất các khu đô thị, khu dân cư khoảng 3.400 - 3.500 ha;

+ Đất hỗn hợp (không ở) khoảng 800 - 910 ha;

+ Đất thương mại, dịch vụ khoảng 250 - 300 ha;

+ Đất phát triển các khu du lịch khoảng 2.700 - 2.800 ha (trong đó đất dịch vụ lưu trú khoảng 600 - 650 ha);

+ Đất công nghiệp, công nghệ cao khoảng 1.400 - 1.500 ha;

+ Đất đào tạo khoảng 50 - 60 ha;

+ Đất công viên, cây xanh chuyên đề khoảng 1.250 - 1.400 ha;

+ Đất an ninh quốc phòng khoảng 550 - 700 ha;

+ Đất giao thông đối ngoại khoảng 600 - 650 ha;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật, sân bay, bến cảng khoảng 750 - 800 ha.

- Đất khác: khoảng 46.133 ha (chiếm 80% tổng diện tích đất tự nhiên các đảo), trong đó:

+ Đất công viên nghĩa trang khoảng 150 ha;

+ Đất nông nghiệp khoảng 800 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản khoảng 800 ha;

+ Đất lâm nghiệp khoảng 32.850 ha;

+ Đất khác (Mặt nước, kênh mương, thủy lợi, đất chưa sử dụng, dự trữ phát triển, đất khác)... khoảng 11.533 ha.

7. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại

+ Đường bộ: Đảm bảo hành lang an toàn và dự trữ mở rộng cho tuyến cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái. Bổ sung kết nối quốc lộ 4B từ Tiên Yên vào tỉnh lộ 334, nâng cấp mở rộng tỉnh lộ 334. Bố trí bến xe phục vụ cho giao thông đối ngoại tại khu vực sân bay, Cái Rồng để tập trung phương tiện, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào trong các khu vực trung tâm Vân Đồn.

+ Đường không: Dự phòng quỹ đất đáp ứng nhu cầu mở rộng sân bay Vân Đồn trong tương lai; bổ sung các cơ sở hạ tầng hỗ trợ phục vụ phát triển và hoạt động sân bay; xây dựng bãi đỗ trực thăng, bến thủy phi cơ tại khu vực Bắc Cái Bàu, Đông Bắc Cái Bàu, bán đảo Công Châu và các đảo thuộc quần đảo Vân Hải.

+ Đường thủy: Phát triển cụm cảng tổng hợp Vạn Hoa - Bắc Cái Bàu - Mũi Chùa đáp ứng tàu có trọng tải 10.000 tấn; cảng Bắc Cái Bàu sẽ ưu tiên phục vụ tàu du lịch cao cấp. Nâng cấp, mở rộng cảng Cái Rồng hỗ trợ phát triển nghề cá và hoạt động tránh trú bão của tàu thuyền. Phát triển hệ thống cảng Ao Tiên, Vạn Yên, Công Châu, Vạn Hoa, Minh Châu, Quan Lạn, Bản Sen, Thắng Lợi, Ngọc Vũng... để phục vụ phát triển du lịch, lưu thông đường thủy.

+ Đường sắt: Dự trữ hành lang phát triển tuyến đường sắt đô thị kết nối Vân Đồn - Cẩm Phả - Hạ Long; tuyến đường sắt cao tốc dọc hành lang đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái.

- Giao thông đối nội

+ Phát triển các tuyến đường kết nối Khu kinh tế với thành phố Cẩm Phả. Phát triển mạng lưới đường vành đai đảo Cái Bàu và các tuyến kết nối trực tiếp giữa các khu chức năng để hỗ trợ phát triển giao thông. Ưu tiên phát triển giao thông công cộng gồm: đường sắt đô thị, giao thông công cộng và các phương tiện vận tải sinh thái như xe điện, xe đạp.

+ Cải tạo mở rộng các tuyến đường hiện trạng đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại 2. Đối với các tuyến đường xây dựng mới được quy hoạch theo tiêu chuẩn, đảm bảo phục vụ các phương tiện cơ giới, phương tiện công cộng, xe

đạp và được thiết kế cảnh quan đồng bộ. Xây dựng các nút giao khác mức, cầu vượt, hầm chui để kết nối hai bên cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái. Xây dựng các cầu vượt sông, cầu vượt cạn tại các nút giao lớn.

+ Đối với các đảo thuộc quần đảo Vân Hải: Ưu tiên sử dụng xe điện, xe đạp, hạn chế tối đa việc sử dụng xe cơ giới, sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Xây dựng tuyến đường chính đảo kết nối các khu vực, kết nối với các đường nội bộ vào từng khu vực. Xây dựng cầu kết nối đảo Cảnh Cước và đảo Trà Bản và cầu kết nối đảo Công Đông và đảo Công Tây. Bố trí tuyến cáp treo kết nối đảo Cái Bàu với đảo Chàng Ngộ và đảo Trà Bản.

+ Bố trí các bãi đỗ xe tại các khu thương mại, dịch vụ du lịch và các khu vực đầu mối giao thông khu vực.

+ Bố trí các bến thuyền du lịch, bến du thuyền quanh đảo Cái Bàu để phục vụ nhu cầu giao thông và nâng cao trải nghiệm du lịch biển; cảng tổng hợp khu vực Nam sân bay phục vụ sửa chữa tàu thuyền, đánh bắt thủy hải sản. Trên các đảo thuộc quần đảo Vân Hải bố trí các bến thuyền, bến du thuyền phục vụ du lịch và chở hàng hóa của người dân trên đảo.

b) Quy hoạch cao độ nền:

- Khu vực đảo Cái Bàu:

+ Khu vực phát triển hiện trạng và các dự án đã tiến hành san lấp nền hoàn thiện: Giữ nguyên cao độ san nền hoặc san nền cục bộ cho phù hợp với hiện trạng xây dựng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến thoát nước mặt.

+ Khu vực đồi núi. Khi xây dựng cần san gạt cục bộ đạt độ dốc xây dựng thuận lợi và tránh gây sạt lở. Bổ sung các biện pháp tường chắn, taluy tại các khu vực xung yếu.

+ Các khu vực phát triển mới: Cao độ khống chế tối thiểu $H_{xd} \geq 3,5$ m.

- Khu vực quần đảo Vân Hải: Cao độ khống chế tối thiểu $H_{xd} \geq 3,5$ m.

- Các khu vực giáp biển, chịu tác động trực tiếp của sóng biển sẽ nâng cao trình xây dựng, xây dựng nhà trên cột, bố trí các giải pháp chắn sóng cao độ tối thiểu 4,6 - 5,0 m.

c) Quy hoạch thoát nước mặt:

Thoát nước theo nguyên tắc tự chảy, kết hợp hệ thống thoát nước riêng đối với khu xây dựng mới và nửa riêng, tách nước thải cho các khu vực hiện trạng.

- Khu vực Đảo Cái Bầu: chia làm 03 lưu vực thoát nước:

+ Lưu vực 1: Là khu vực phía Đông đảo Cái Bầu trong đó có thị trấn Cái Rồng hiện có; nạo vét, kè kiên cố hóa, chống lún chiếm trục tiêu hờ hiện có, hướng thoát trực tiếp biển.

+ Lưu vực 2: Là khu vực phía Bắc đảo Cái Bầu, tận dụng các khe tự thủy tự nhiên thoát nước trực tiếp ra biển.

+ Lưu vực 3: Là khu vực phía Tây đảo Cái Bầu, nước mưa tập trung về các hồ chứa Đồng Dộng, Khe Mai, Khe Ngái sau đó thoát ra sông Voi Lớn, sông Ba Chẽ ra biển.

- Các đảo thuộc quần đảo Vân Hải chia thành các tiêu lưu vực thoát nước theo địa hình tự nhiên ra biển.

d) Quy hoạch cấp điện:

- Nhu cầu cấp điện đến năm 2040 khoảng 400 MW.

- Nguồn điện và lưới điện cao thế:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Nâng công suất trạm 110 KV Vân Đồn từ 1x40 MVA lên thành 2x40 MVA. Xây dựng mới trạm 110 KV Vân Đồn 2 có công suất 2x63 MVA; trạm 110 KV Vân Đồn 3 có công suất 1x40 MVA; trạm 110 KV khu vực sân bay có công suất 1x40 MVA. Xây dựng các tuyến 110 KV: tuyến vượt biển Vân Đồn - 110 KV Vân Đồn 3; tuyến 110 KV cấp điện cho trạm 110 KV Vân Đồn 2; tuyến 110 KV rẽ nhánh đi trạm 110 KV khu vực sân bay;

+ Giai đoạn đến năm 2040: Nâng công suất trạm 110 KV Vân Đồn lên 2x63 MVA; trạm Vân Đồn 3 và trạm 110 KV khu vực sân bay lên 2x40 MVA; xây dựng trạm 220 KV Vân Đồn 4 công suất 2x40 MVA;

+ Bố trí quỹ đất dự trữ để xây dựng trạm 220 KV Vân Đồn có công suất 2x250 MVA, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai;

+ Hạ ngầm các tuyến 110 KV hiện có và xây mới trong khu vực trung tâm khu kinh tế;

+ Khuyến khích nghiên cứu, sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, sinh khối, thủy triều.

- Lưới điện phân phối:

+ Lưới điện trung thế: Sử dụng lưới điện trung thế 22 KV. Tuyến điện 22 KV qua các khu vực chức năng phải sử dụng cáp ngầm. Các khu vực khác dùng đường dây nổi.

+ Lưới điện hạ thế dùng cáp điện ngầm trong các khu đô thị mới, khu du lịch; dùng đường điện nổi ở các vùng ngoại thị.

- Chiếu sáng: Lưới điện chiếu sáng trong các khu dân cư được bố trí đi cùng cột với lưới điện hạ thế. Khu vực trung tâm, khu du lịch sử dụng cáp ngầm. Trang bị hệ thống điều khiển tự động, tập trung cho hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

đ) Quy hoạch thông tin liên lạc:

Xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hoàn thành việc xây dựng mạng diện rộng, phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội. Đầu tư nâng cấp hệ thống cho các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp,... Dự kiến xây dựng Trung tâm điều hành (IOC) đảm bảo việc xử lý thông tin và lưu trữ thông tin phục vụ dài hạn đến năm 2040, xây dựng đô thị thông minh tại Khu kinh tế Vân Đồn.

e) Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước đến năm 2040 là 130.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước:

+ Khu vực đảo Cái Bàu: Sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ chứa hiện có (hồ Khe Mai và hồ Mắt Rồng), dự kiến xây dựng mới (hồ Đồng Dộng) và nguồn nước từ Cẩm Phả, Tiên Yên, Ba Chẽ. Đối với các khu dân cư phân tán khai thác nước từ các hồ nhỏ; nước ngầm kết hợp với xây dựng bể chứa nước mưa cho nhu cầu sinh hoạt.

+ Khu vực quần đảo Vân Hải: Khai thác nước hồ Lòng Dinh cấp cho đảo Cảnh Cước và Trà Bản; hồ Cầu Lầu cấp cho đảo Ngọc Vũng; hồ Cống Đông cấp cho đảo Cống Đông, Cống Tây. Đối với các đảo còn lại: Khai thác nước ngầm tại chỗ kết hợp sử dụng nước mưa, xây dựng hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt.

Việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các nguồn cấp nước (hồ trên đảo) tuân thủ quy định hiện hành về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Nhà máy nước:

+ Cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước: Cái Rồng (công suất 3.000 m³/ngày đêm); Ngọc Vũng (công suất 2.000 m³/ngày đêm); Quan Lạn (công suất 10.000 m³/ngày đêm); Cống Đông (công suất 1.000 m³/ngày đêm).

+ Xây dựng mới các nhà máy nước: Đồng Động (công suất 36.000 m³/ngày đêm); Khe Mai (công suất 10.000 m³/ngày đêm); Trà Bản (công suất 4.000 m³/ngày đêm).

+ Bổ sung nguồn cấp nước từ Tiên Yên (công suất 30.000 m³/ngày đêm); từ Ba Chẽ (40.000 m³/ngày đêm).

- Mạng lưới cấp nước

+ Sử dụng thiết kế mạng vòng, liên kết giữa các nhà máy nước để đảm bảo an toàn cấp nước.

+ Sử dụng mạng lưới cấp nước chữa cháy chung với mạng lưới cấp nước của toàn Khu kinh tế. Ngoài ra các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp phải có hệ thống phòng cháy, chữa cháy riêng để chủ động chữa cháy.

g) Quy hoạch thu gom xử lý nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2040 khoảng 85.000 m³/ngày đêm, trong đó lượng nước thải công nghiệp tập trung khoảng 17.000 m³/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt:

Các khu dân cư hiện có sẽ xây dựng hệ thống thoát nước nữa riêng; các khu vực xây mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

+ Đảo Cái Bầu: Xử lý theo từng cụm đô thị và khu chức năng. Xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung với tổng công suất khoảng 55.000 m³/ngày đêm.

+ Quần đảo Vân Hải: Sử dụng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phân tán theo từng khu vực. Dài hạn, tùy theo nhu cầu có thể liên kết các trạm phân tán, xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung với các khu vực có lượng nước thải lớn.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn A theo Quy chuẩn hiện hành về nước thải sinh hoạt. Tái sử dụng tối đa nước thải sau xử lý phục vụ các nhu cầu phi sinh hoạt.

- Nước thải sản xuất: Nước thải các nhà máy được xử lý sơ bộ trong nhà máy sau đó đưa về xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của khu, cụm công nghiệp đạt tới giới hạn A theo Quy chuẩn hiện hành trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Nước thải y tế: Nước thải y tế cần được thu gom và xử lý riêng trong từng bệnh viện đạt Quy chuẩn hiện hành trước khi thoát ra hệ thống thu gom chung.



h) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

Tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2040 khoảng 720 tấn/ngày đêm trong đó lượng chất thải rắn công nghiệp khoảng 215 tấn/ngày đêm.

Tất cả các loại hình chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn. Chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại phải thu gom và vận chuyển riêng.

Khu vực đảo Cái Bàu: Chất thải rắn vận chuyển về xử lý tập trung tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn của tỉnh.

Khu vực quần đảo Vân Hải: Bố trí lò đốt chất thải rắn riêng đạt tiêu chuẩn môi trường tại các đảo có dân cư. Các đảo nhỏ, chỉ có hoạt động du lịch thu gom tập trung về khu xử lý.

i) Quy hoạch quản lý nghĩa trang

- Kết hợp khai thác sử dụng các nghĩa trang hiện tại và sử dụng các nghĩa trang cấp tỉnh tại Hoàn Bò để đáp ứng nhu cầu an táng của người dân Vân Đồn.

- Đối với các nghĩa trang, nghĩa địa hiện hữu không đủ khoảng cách ly vệ sinh thì không mở rộng thêm, tiến tới đóng cửa, dừng tiếp nhận.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng, kiến trúc các khu mộ để không ảnh hưởng tới cảnh quan chung.

- Đảo Cái Bàu: Sử dụng nghĩa trang xã Đoàn Kết và nghĩa trang xã Vạn Yên. Xây dựng mới công viên nghĩa trang tại xã Đài Xuyên, quy mô dự kiến khoảng 50 - 90 ha. Công nghệ táng tổng hợp bao gồm hung táng, táng một lần, cải táng và hỏa táng. Chính trang và xây mới các nhà tang lễ theo các phân vùng để phục vụ nhu cầu nhân dân.

- Quần đảo Vân Hải: Bố trí nghĩa trang tập trung tại các đảo có dân cư.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường:

Sử dụng năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại các khu, cụm công nghiệp và các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.



- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để bảo vệ môi trường vịnh Bái Tử Long và Khu kinh tế. Bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học: Đặc biệt là hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng ven biển, cửa sông, các hệ sinh thái san hô tại vịnh Bái Tử Long.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng các khu chức năng, đặc biệt là xây dựng dự án tại các khu vực khai thác đất ngập nước, khu vực san gạt đồi núi để đảm bảo môi trường cảnh quan, tránh tác động tiêu cực tới môi trường đô thị.

- Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật; xây dựng kế hoạch thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng kế hoạch phòng chống tai biến môi trường đặc biệt tại khu vực ven biển, khu vực phát triển công nghiệp, khu vực hoạt động tàu thuyền du lịch.

b) Các giải pháp chủ yếu đối với từng phân vùng:

- Khu vực vịnh Bái Tử Long, sông, mặt nước: Giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; kiểm soát chất thải tàu thuyền, cải thiện chất lượng nước.

- Khu vực phát triển các khu chức năng: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa.

- Khu, cụm công nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO 14000.

- Khu vực dân cư hiện trạng cải tạo: Đầu tư hệ thống thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

c) Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng đợt đầu

- Các dự án do trung ương đầu tư trên địa bàn: Xây dựng các hạ tầng kết nối như: Đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, Quốc lộ 4B kéo dài, cầu nối Mũi Chùa; hệ thống cảng Bắc Cái Bàu, nguồn cấp điện từ Cẩm Phả, nguồn cấp nước từ Tiên Yên. Hỗ trợ hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung trên đảo Cái Bàu và các kết nối các đảo thuộc quần đảo Vân Hải.



- Các dự án do tỉnh đầu tư: Kết hợp nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động để đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung Khu kinh tế theo quy hoạch; xây dựng các khu tái định cư, khu sắp xếp dân cư để phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng các khu chức năng. Hoàn thiện mạng lưới hạ tầng khung tại khu vực Cái Rồng, sân bay để thu hút đầu tư trong giai đoạn trước mắt. Phát triển các công trình hạ tầng đầu mối phục vụ dân cư như: bến cảng, trạm cấp nước, trạm cấp điện, trạm xử lý nước thải và các khu vực nghĩa trang tập trung.

- Các dự án kêu gọi đầu tư: Các dự án khu du lịch, khu đô thị, khu thương mại dịch vụ; dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng, khai thác bến xe khách, xe buýt, bến tàu phục vụ du lịch; dự án đầu tư xây dựng và khai thác các khu du lịch biển, công viên và khu vui chơi giải trí, v.v...; dự án cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường giao thông đô thị; dự án phát triển nhà ở (gồm nhà ở xã hội); dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải các khu công nghiệp, đô thị tập trung; dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng công bố công khai Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040.

- Phê duyệt và ban hành Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch; rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040; tổ chức triển khai lập các quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị cho các khu chức năng trong Khu kinh tế làm cơ sở quản lý quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

- Xây dựng, đề xuất cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh.

2. Giao các bộ, ngành và địa phương có liên quan trên cơ sở quy hoạch được duyệt phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tại địa phương đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.



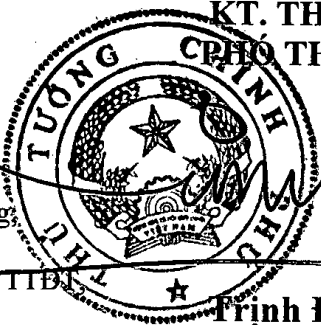
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTB, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, KGVX, NN, NC;
- Lưu: VT, CN (2) 11

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trịnh Đình Dũng